

(Dự thảo)

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thôn, làng, buôn, bôn, phăm, plei,... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố,... (gọi chung là tổ dân phố).

3. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã. Thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường.

4. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, làng, bản, buôn, bôn, plei, phăm, tổ dân phố, khu phố, khối phố, tiểu khu hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Căn cứ quy mô số hộ gia đình, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp và khối lượng công việc, mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí không quá 02 Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trong tổng số người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trong trường hợp thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, hoặc trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

4. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

Việc lựa chọn, công nhận và cho thôi Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Chi bộ; nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp cần điều chỉnh thời điểm bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phục vụ việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh mà không thể tổ chức bầu đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn chung

- Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn xã, phường từ đủ 21 tuổi trở lên, đối với trường hợp tham gia lần đầu không quá 60 tuổi đối với nữ, không quá 62 tuổi đối với nam và thời gian đảm nhiệm tối đa không quá 65 tuổi đối với nữ, 67 tuổi đối với nam; ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Biết sử dụng máy vi tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị điện tử thông minh khác để sử dụng các ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

- Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Trình độ học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Trình độ chuyên môn: có trình độ Trung cấp trở lên, ưu tiên người có trình độ cao hơn và người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông. Đối với thôn thuộc xã, phường miền núi, biên giới, hải đảo và thôn đặc biệt khó khăn thì trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố.

4. Trường hợp nhân sự chưa đảm bảo về tiêu chuẩn trình độ học vấn, trình độ chuyên môn theo tiêu chuẩn nêu trên nhưng có năng lực, uy tín, kinh nghiệm, sức khỏe đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thì Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã xem

xét, quyết định từng trường hợp cụ thể; đồng thời trong thời hạn không quá 60 tháng sau khi sắp xếp, kiện toàn phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn theo quy định.

CHƯƠNG III

THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 10. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình: Tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP. Theo đó:

- a) Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;
- b) Tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tổ chức hoặc sử dụng tên gọi cộng đồng dân cư theo khoản 4 Điều 2 Quy chế này thì áp dụng tiêu chí quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù như địa bàn miền núi, hải đảo, xã miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn; địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khu dân cư biệt lập, cồn trên sông; địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự cần được xem xét trên cơ sở yêu cầu quản lý và điều kiện thực tế của địa bàn thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo khoản 1 Điều này nhưng thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập phương án, báo cáo giải trình cụ thể về sự cần thiết, điều kiện thực tế, yêu cầu quản lý, mức độ ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, ý kiến Nhân dân và gửi Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 11. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 12. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và đồng thời được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công tác.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; nếu không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ cho thôi giữ chức danh theo quy định.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được hưởng chế độ, chính sách như Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thời gian hưởng chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được tính từ ngày quyết định cử lâm thời có hiệu lực cho đến ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương

1. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp, đánh giá, tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Tài chính

Tham mưu bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp; lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của Quyết định này; thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ liên quan và bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư;

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Quyết định này; tham gia tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; phát huy vai trò của Ban công tác Mặt trận trong việc dự kiến, giới thiệu nhân sự, phối hợp tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, giám sát việc lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy chế này và các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối với các trường hợp người đang giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn mới theo quy định tại Quy chế này thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi cơ quan có thẩm

quyền thực hiện việc kiện toàn lại chức danh theo tiêu chuẩn quy định hoặc tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, hướng dẫn, bố trí, sắp xếp phù hợp, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.